

Bản án số: 1147/2024/HC-PT
Ngày 16 tháng 10 năm 2024
“V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong
lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 16 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 418/2024/TLPT-HC ngày 07 tháng 5 năm 2024 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 181/2023/HC-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2969/2024/QĐPT-HC ngày 19 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông **Trần Xuân T**, sinh năm 1977 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Khu phố 4, phường An Thới, thành phố P, tỉnh Kiên Giang;

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Vũ Văn T¹, sinh năm 1961; Địa chỉ: Khu phố 3, phường An Thới, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (Văn bản ủy quyền ngày 22/8/2024 tại Ủy ban nhân dân phường An Thới) – Có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Vũ Kim Đồng (Có mặt) và luật sư Phạm Thị Kim Phụng (Vắng mặt), Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Vĩnh Tường thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh;

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang;

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Lê Quốc T², Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P (Văn bản ủy quyền số 365/GUQ-UBND ngày 09/9/2024) – Có yêu cầu xét xử vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số 04, Đường 30/4, phường Dương Đông, thành phố P, tỉnh Kiên Giang;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Quang L, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P – Có mặt;

Địa chỉ: Số 49 Trần Hưng Đạo, Khu phố 7, phường Dương Đông, thành phố P, tỉnh Kiên Giang;

3. *Người kháng cáo:* Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/3/2023 và lời khai tiếp theo, người khởi kiện ông Trần Xuân Tình và người đại diện hợp pháp của ông Tình trình bày:

Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 3997/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 (*Sau đây viết tắt là Quyết định số 3997*) thu hồi của ông diện tích 2.810,69 m² đất trồng cây lâu năm để thực hiện Dự án Khu dân cư Phú Quốc Housing và ban hành Quyết định số 4169/QĐ-UBND ngày 23/8/2022 (*Sau đây viết tắt là Quyết định số 4169*) hỗ trợ đất đai, cây trồng số tiền 347.464.500 đồng.

Việc hỗ trợ cho ông như trên là không thỏa đáng, vì đất và tài sản trên đất của ông đủ điều kiện được bồi thường về đất và tài sản trên đất, do nguồn gốc đất là do ông Lê Văn An, bà Nguyễn Thị Cơ khai hoang năm 1991, trồng cây Đào, Tràm bông vàng đến ngày 08/3/2000 làm giấy tay chuyển nhượng lại cho ông. Sau khi nhận chuyển nhượng thì vợ chồng ông đã cất nhà ở, múc ao, lên liếp trồng Tràm bông vàng cho đến khi thu hồi đất. Ngoài ra, ông An, bà Cơ còn chuyển nhượng đất cho một số người khác như: Nguyễn Văn Trường, Nguyễn Thị Mỹ, Trịnh Thị Dư, Bùi Thị Phấn.

Ông Trần Xuân Tình khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4169 và buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ đất đai, cây trồng cho ông theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Công văn số 1644/UBND-NCPC ngày 25/9/2023 và lời khai tiếp theo, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P do người đại diện hợp pháp trình bày:

Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành quyết định thu hồi đất là trên cơ sở các văn bản gồm: Văn bản số 1152/VP-KTCN ngày 05/4/2012; Số 4156/VP-KTCN ngày 10/10/2012; Số 4789/VP-KTCN ngày 07/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang chấp thuận chủ trương thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu dân cư tại xã Dương Tơ.

Ngày 20/02/2017, Ban Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư huyện P cùng các ban ngành hữu quan và ông Tình đã kiểm kê diện tích, tài sản trên đất.

Theo Biên bản số 31/BB-HĐ ngày 04/3/2022, bổ sung bằng Biên bản xét duyệt số 93/BB-HĐ ngày 05/11/2018 và Biên bản xét duyệt số 45/BB-HĐ ngày 29/4/2021 của Hội đồng tư vấn đất đai xã Dương Tơ thì toàn bộ diện tích của ông Trần Xuân T bị thu hồi đều nằm trong diện tích do Ban Quản lý Rừng phòng hộ (Nay là Vườn quốc gia Phú Quốc) quản lý theo Quyết định số 2163/QĐ-UBND ngày 18/6/1998, được điều chỉnh theo Quyết định số 2600/QĐ-UBND ngày 14/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang giao cho Ủy ban nhân dân xã Dương Tơ quản lý. Năm 2010, ông T vào canh tác trên khu đất và kê khai đo đạc diện tích 2.810,69 m², sử dụng ổn định cho đến khi Nhà nước thu hồi đất nên không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo Điều 82 Luật đất đai năm 2013, nhưng đủ điều kiện được hỗ trợ bằng 60% giá trị quyền sử dụng đất theo điểm b khoản 1 Điều 20 Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Quyết định số 4169 đã hỗ trợ đất đai, cây trồng cho ông T 347.464.500 đồng (Trong đó: Về đất 2.810,69 m² với số tiền 344.028.500 đồng và cây trồng 3.436.000 đồng) là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 181/2023/HC-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Căn cứ các điều: 30, 32, 116, 158, 173, 193, 194 Luật tổ tụng hành chính; Khoản 2 Điều 77, khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP cùng ngày 15/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân T;

Hủy Quyết định số 4169/QĐ-UBND ngày 23/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc hỗ trợ đất đai, cây trồng cho ông Trần Xuân T;

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ về đất đai, vật kiến trúc, cây trồng cho ông Trần Xuân T đối với diện tích đất bị thu hồi 2.810,69 m² tại ấp Đường Bào, xã Dương Tơ, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (theo Quyết định số 3997/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang về việc thu hồi đất của ông Trần Xuân T để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng);

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/10/2023, Ủy ban nhân dân thành phố P có đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố P giữ nguyên kháng cáo đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông T và giữ nguyên các lời trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm. Bản án sơ thẩm đánh giá không đúng quy định của pháp luật. Năm 2013 đã lập Biên bản xử phạt vi phạm hành chính nhưng ông T trình bày là ông thuê đất của ông Diễn nên không ra quyết định xử phạt ông T. Theo Bản đồ địa chính lập năm 2006-2007 thì không thể hiện thửa đất của ông T. Công văn của Vườn quốc gia Phú Quốc xác định diện tích đất của ông T là nằm trong ranh giới rừng theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang năm 1998, đến năm 2012 Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang thu hồi một phần diện tích của rừng để giao lại cho Ủy ban nhân dân xã Dương Tơ quản lý thì phần đất của ông T nằm trong phần giao cho Ủy ban nhân dân xã Dương Tơ quản lý.

Ông Vũ Văn T¹ không đồng ý kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P vì nguồn gốc đất của ông Diễn khai phá từ năm 1991, cho lại ông An, ông An chuyển nhượng cho ông T có làm giấy năm 2000, có Tổ trưởng và những người dân có đất lân cận xác nhận và làm chứng. Ông T sử dụng đất từ năm 2000, trồng cây theo kết quả giám định tuổi cây đã 21 năm, không có ai tranh chấp, không bị cơ quan nào xử phạt, không có cơ quan nào nói đây là đất rừng hay có ý kiến gì khác.

Luật sư bảo vệ cho ông T đề nghị xem xét: Nguồn gốc đất là của ông Diễn khai phá từ năm 1991 không bị cơ quan thẩm quyền xử phạt. Ông Diễn cho ông An, ông An chuyển nhượng đất cho ông T được nhiều người dân lân cận làm chứng, Tổ trưởng Tổ 7 và Trưởng ấp Đường Bào ký xác nhận và ông T

đã sử dụng đất ổn định, trồng cây trên đất từ năm 2000 đến nay, không ai tranh chấp, không bị xử phạt hành chính và trong biên bản kiểm kê cũng ghi nhận nguồn gốc đất là của ông Diễn khai phá từ năm 1991, nên ông T đủ điều kiện để được bồi thường về đất. Ủy ban nhân dân thành phố P chưa chứng minh được ranh giới rừng phòng hộ theo yêu cầu của Tòa án. Bản án sơ thẩm đã xét xử đúng, đề nghị bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính; Đơn kháng cáo hợp lệ. Về nội dung đề nghị chấp nhận kháng cáo, sửa Bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân T.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, người kháng cáo có văn bản xin xét xử vắng mặt nên theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính thì việc xét xử phúc thẩm vẫn được tiến hành.

[2] Ông Trần Xuân T khởi kiện đối với quyết định hành chính trong thời hạn chưa quá 01 năm kể từ ngày có quyết định bị khởi kiện. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định về thời hiệu khởi kiện, đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng quy định tại các điều: 30, 32, 116 Luật tố tụng hành chính.

[3] Thủ Tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 31/2013/QĐ-TTg ngày 22/5/2013 thành lập Khu kinh tế Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, ranh giới bao gồm toàn bộ huyện đảo Phú Quốc. Do đó, việc thu hồi đất của ông Trần Xuân T để thực hiện Dự án khu dân cư Phú Quốc Housing tại xã Dương Tơ thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 62 Luật đất đai năm 2013, nên việc bồi thường về đất, hỗ trợ, tái định cư được thực hiện theo quy định tại Điều 74 Luật đất đai năm 2013.

[4] Quyết định số 4169/QĐ-UBND ngày 23/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố P đã được ban hành đảm bảo về hình thức, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn theo quy định của pháp luật tại Điều 66 và Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

[5] Người khởi kiện ông Trần Xuân T trình bày ông đủ điều kiện để được bồi thường về đất vì diện tích 2.810,69 m² đất của ông bị thu hồi có nguồn gốc của cụ Lê Văn Diễn khai phá năm 1991, sau đó tặng cho ông Lê Văn An tiếp tục sử dụng đến năm 2000 thì ông Lê Văn An chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông Trần Xuân T sử dụng đến nay, giấy chuyển nhượng có xác nhận của Trưởng ấp Đường Bào.

Tại Kết quả giám định tuổi cây số 11/ĐHNL-LN ngày 24/8/2023 của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh xác định các cây trồng được thu thập trên diện tích 2.810,69 m² của ông Trần Xuân T vào ngày 07/8/2023 có độ tuổi từ 16 năm đến 21 năm. Chứng tỏ ông Trần Xuân T đã trồng cây trên đất vào khoảng năm 2001- 2002.

[6] Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc thì trình bày theo Biên bản xét duyệt nguồn gốc đất số 45/BB-HĐ ngày 29/4/2021 của Hội đồng tư vấn đất đai xã Dương Tơ xác định toàn bộ diện tích 2.810,69 m² đất của ông Trần Xuân T đều nằm trong ranh Rừng phòng hộ theo Quyết định số 2163/QĐ-UBND ngày 18/6/1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang (nay được thay thế bằng Quyết định số 2600/QĐ-UBND ngày 14/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang) giao cho Ủy ban nhân dân xã Dương Tơ quản lý. Năm 2010, ông Trần Xuân T vào sử dụng, canh tác và kê khai đo đạc đến khi quy hoạch.

[7] Cụ Lê Văn Diễn không có kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, không có căn cứ để xác định cụ Lê Văn Diễn khai phá, sử dụng đất từ trước năm 1991; Ông Lê Văn An cũng không kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, không có tài liệu, chứng cứ chứng minh ông Lê Văn An là chủ sử dụng đất hợp pháp; Việc ông Lê Văn An chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Trần Xuân T theo Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08/3/2000 cũng chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quản lý về đất đai chấp thuận.

Rừng phòng hộ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang thành lập từ ngày 18/6/1998 là trước thời điểm ông Trần Xuân T nhận chuyển nhượng đất từ ông Lê Văn An (năm 2000) và cũng trước thời điểm ông Trần Xuân T trồng cây trên đất (khoảng năm 2001 – 2002). Do đó, không có căn cứ để xác định ông Trần Xuân T là chủ sử dụng hợp pháp đối với diện tích 2.810,69 m².

Bản án sơ thẩm đã căn cứ vào kết quả giám định tuổi cây, Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08/3/2000, lời khai của ông Lê Văn An, lời khai của những người làm chứng, để xác định nguồn gốc đất do cụ Lê Văn Diễn khai phá từ năm 1991 sau đó cho lại ông Lê Văn An và ông Lê Văn An chuyển nhượng cho ông Trần Xuân T vào năm 2000 sử dụng liên tục đến nay, không có tranh chấp để xác định ông T sử dụng đất từ trước ngày 01/7/2004, đủ điều kiện

để được bồi thường về đất là không có cơ sở, vì phần đất này nằm trong ranh Rừng phòng hộ thành lập từ năm 1998, còn cụ Diễn, ông An có quá trình sử dụng đất nhưng đều không kê khai đăng ký, nên chưa được xác định là chủ sử dụng đất hợp pháp; Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông An cho ông T cũng không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quản lý đất đai chấp thuận.

[8] Quyết định số 4169/QĐ-UBND ngày 23/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố P đã hỗ trợ cho ông Trần Xuân T về đất đai (60%) và cây trồng trên đất là đúng theo quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

[9] Từ các phân tích trên, có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, sửa Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp.

[10] Án phí hành chính sơ thẩm được xác định lại như sau:

Do không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm;

Người bị kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm;

[11] Do được chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang; Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 181/2023/HC-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Không chấp nhận khởi kiện của ông Trần Xuân T yêu cầu hủy Quyết định số 4169/QĐ-UBND ngày 23/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc về việc hỗ trợ đất đai, cây trồng cho ông Trần Xuân T và không chấp nhận yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang ban hành quyết định

bồi thường, hỗ trợ về đất đai, vật kiến trúc, cây trồng cho ông Trần Xuân T đối với diện tích đất bị thu hồi 2.810,69 m² tại ấp Đường Bào, xã Dương Tơ, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (theo Quyết định số 3997/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang về việc thu hồi đất của ông Trần Xuân T để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng);

3. Án phí:

Ông Trần Xuân T phải nộp án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) và được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu số 0008668 ngày 04/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang;

Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm và được hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu số 0004550 ngày 29/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang;

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, NTHN (15b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Ý

Trần Thị Hòa Hiệp

Phạm Văn Công